

Số: 1345 /NMĐTB2-TM

Hung Yên, ngày 25 tháng 7 năm 2026

V/v cung cấp vật tư và dịch vụ lắp đặt, thay
thế băng của băng tải than tuyến 21 - NMNĐ
Thái Bình 2

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu Cung cấp vật tư và dịch vụ lắp đặt, thay thế băng của băng tải than tuyến 21- NMNĐ Thái Bình 2. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp hàng hoá tương tự. Do đó, Nhà máy đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá hạng mục công việc với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:

+ Danh mục hàng hoá, dịch vụ cần mua sắm như *Phụ lục 01 đính kèm*. Hàng hoá mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở đi, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hoá có xuất xứ Việt Nam, CQ/chứng nhận xuất xưởng.

+ Bảo hành tối thiểu: 12 tháng.

- Tiến độ hoàn thành cung cấp hàng hóa, dịch vụ: Trong tháng 8/2026.

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên.

- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 08h00 ngày 28/7/2026.

- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.

- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

- Thông tin liên hệ:

✓ Người nhận: Đỗ Hùng Cường, Phòng Thương mại;

✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên;

✓ Số điện thoại liên hệ: 0888451102; Email: cuongdh@pvpgb.vn; sonmt@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- Giám đốc: N.A.Tuấn (để b/c);
- PGĐ. N.V.Chung (e-copy);
- Các Phòng/PX: KTATMT, KHTC, BDSC (để p/h);
- Lưu: VT, TM (Đ.H.C: b).

Đính kèm:

- Phụ lục 01.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ngọc

Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



PHỤ LỤC 01 - PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số 1345/NMĐTB2-TM ngày 25/7/2026)

STT	Mã chuẩn hóa vật tư	Tên hàng hóa/dịch vụ	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất/xuất xứ (***)	ĐVT	Khối lượng
1	48897013	Conveyor belt	ST 1000-6+4-BW1600; With steel cord diameter: 4mm; Width: 1600mm; Thickness: 14mm(6+4); - Bề rộng băng: 1600±1% - Cường lực: ≥ 1000 N/mm - Bề dày lớp mặt: 6±0,2mm - Bề dày mặt dưới: 4 ±0,2mm - Tổng bề dày: 14±5% - Độ cứng bề mặt: 65±5 Shore A * Thông số sợi cáp: - Đường Kính sợi cáp: ≥ 4mm±0,2mm - Bước cáp: 12±1mm - Số lượng sợi cáp dọc: 128 sợi * Thông số cao su: - Lực kéo đứt cao su mặt: ≥15Mpa - Độ giãn dài của cao su mặt: ≥400% - Giá trị mài mòn: ≤200mm ³ - tỉ lệ phần trăm thay đổi về độ bền kéo của cao su khi được ủ 7 ngày ở nhiệt độ 70 độ C: ± 25% -tỉ lệ phần trăm thay đổi về độ giãn dài khi đứt của cao su khi được ủ 7 ngày ở nhiệt độ 70 độ C: ± 25% * Thông số kháng cháy: - Thời gian cháy của 1 mẫu khi rời khỏi ngọn lửa đốt: ≤ 15s - Thời gian cháy của 6 mẫu khi rời khỏi ngọn lửa đốt : ≤ 45S - Cháy lại sau 1 phút khi có vận tốc gió 1,5m/s: Không cháy - Điện trở kháng tĩnh điện: < 3x 10 ⁸ Ohm * Quy Cách đóng gói: 5 cuộn, mỗi cuộn 250 mét * Tiêu chuẩn: DIN K	Việt Nam	Mét	1250

2		Dịch vụ kéo tháo băng tải cũ và kéo dải băng tải mới (5 cuộn)	- Chuẩn bị máy thi công, vật tư và nhân sự thực hiện công tác. - Tháo băng tải cũ, thu dọn và vận chuyển về vị trí tập kết (nhà máy chỉ vị trí). - Kéo và lắp đặt dải băng tải mới lên toàn tuyến băng tải (5 cuộn, mỗi cuộn 250 mét). - Thực hiện căn chỉnh phục vụ công tác dẫn nối, phối hợp trong công tác chạy thử nghiệm thu. (Nhà máy thuê đơn vị dẫn nối).		Gói	1
---	--	---	---	--	-----	---

